

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HỆN P  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11/3/2022

“Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN P**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Quảng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Công Chự

2. Ông Nguyễn Ngọc B

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Quang H – Thư ký Tòa án nhân dân Hện P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Minh Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Hện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1988;

Trú tại: Làng P, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai

**Bị đơn:** Anh Đặng Lê Quang H, sinh năm 1987;

Trú tại: Làng P, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn là chị Đỗ Thị B trình bày:*

Chị Đỗ Thị B và anh Đặng Lê Quang H sau thời gian tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh B Định vào năm 2010. Sau khi cưới 02 vợ chồng chuyển đến sinh sống tại xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Mâu thuẫn do chị B và anh H không hợp nhau về tính tình, cách sống, quan điểm sống. Từ tháng 12/4/2018, chị B không còn sống chung với anh H. Nay chị B

nhận thấy tính cảm vợ chồng không còn chị B đề nghị ly hôn với anh H và không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

*Về con chung:* Chị Đỗ Thị B và anh Đặng Lê Quang H có 02 con chung là các cháu Đặng Anh K, sinh ngày 01/12/2010 và cháu Đặng Anh T, sinh ngày 03/3/2013. Cháu K và cháu T hiện đang sống với chị B. Chị B yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

*Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn anh Đặng Lê Quang H đến làm việc, nhưng anh H không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ vụ án không có lời khai của anh H.*

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Đỗ Thị B vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị B giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đặng Lê Quang H, yêu cầu nuôi con chung là các cháu Đặng Anh K và Đặng Anh T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn, anh Đặng Lê Quang H đã được Toà án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà.

*Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật

- Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị B đối với anh Đặng Lê Quang H.

+ Về con chung: Giao các cháu Đặng Anh K và Đặng Anh T cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

*Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:*

01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản gốc; Sổ hộ khẩu bản sao y chứng thực; Chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị B bản sao y; Bản sao giấy khai sinh mang tên Đặng Anh K; Bản sao giấy khai sinh mang tên Đặng Anh T. Chứng cứ Tòa án thu thập được: Bản tự khai của nguyên đơn, Bản tự khai của con chưa thành niên, biên bản xác minh, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị B yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với anh Đặng Lê Quang H. Đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị B phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đặng Lê Quang H cư trú tại Làng P, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Đỗ Thị B và bị đơn anh Đặng Lê Quang H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà. Chị B có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, do vậy toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Chị Đỗ Thị B và anh Đặng Lê Quang H có đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 5 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh B Định, chị B và anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị B và anh H chung sống hạnh phúc một thời gian thì chị B và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn và thực tế anh H và chị B đã ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Trước đó chị B đã làm đơn yêu cầu ly hôn, được toà án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết nhưng hoà giải đoàn tụ nên chị B đã rút đơn khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, anh H đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị B và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị B và anh Đặng Lê Quang H có 02 con chung là các cháu Đặng Anh K, sinh ngày 01/12/2010 và cháu Đặng Anh T, sinh ngày 03/3/2013. Chị B yêu cầu nuôi các con chung. Xét cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Xét yêu cầu của chị B, thấy rằng các con chung hiện do chị B trực tiếp chăm sóc từ khi chị B và anh H sống ly thân, các con chung có nguyện vọng được ở với chị B, do vậy việc giao các con chung cho chị B tiếp tục trông nom chăm sóc là phù hợp, đảm bảo sự phát triển B thường của các con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị B được ly hôn với anh Đặng Lê Quang H.

2. Về con chung:

**Giao con chung là các cháu các cháu Đặng Anh K, sinh ngày 01/12/2010 và cháu Đặng Anh T, sinh ngày 03/3/2013 cho chị Đỗ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (theo nguyện vọng của con chung).**

**Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.**

**Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.**

3. Về án phí:

Buộc chị Đỗ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0006276 ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện P, tỉnh Gia Lai. Chị Đỗ Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Đỗ Thị B và anh Đặng Lê Quang H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS Hện P;
- Các đương sự;
- UBND xã C,
- P, B Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Võ Văn Quảng**

